

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Ngành: Luật Kinh tế

Economic law

Định hướng: Ứng dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 159/QĐ-ĐHL ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Luật Thương mại
Tên chương trình	Luật kinh tế
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8380107
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	1,5 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ luật kinh tế
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	2023
Quyết định ban hành	Số 156/QĐ-ĐHL ngày...tháng 10 năm 2023

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật kinh tế định hướng ứng dụng tập trung trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại trong nền kinh tế thị trường với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng vào hoạt động kinh tế quốc tế. Cấu trúc chương trình được thiết kế dựa trên bốn trụ cột chính, bao gồm:

(1) Khối kiến thức cơ bản: bao gồm 2 học phần bắt buộc giúp người học có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, ý thức trách nhiệm; khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học pháp lý;

(2) Khối kiến thức cơ sở: bao gồm 5 học phần bắt buộc và 6 học phần tự chọn, cung cấp các kiến thức cơ sở ngành trong việc áp dụng pháp luật kinh tế trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại, thuế, tài chính, môi trường, chứng khoán, trọng tài, cạnh tranh, điều kiện kinh doanh...

(3) Khối kiến thức chuyên ngành: bao gồm 4 học phần bắt buộc và 6 học phần tự chọn. Các học phần này được thiết kế để trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng vận dụng

pháp luật trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như: kinh doanh bất động sản, dịch vụ ngân hàng, đầu tư công, đầu thầu, cạnh tranh, nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, quảng cáo thương mại, cơ chế xác lập quyền sử dụng đất trong hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ thuế trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiền vay hoạt động tín dụng ngân hàng...

(4)Thực tập: Hoạt động thực tập với dung lượng 06 tín chỉ (06 tuần) để trang bị thêm kỹ năng áp dụng pháp luật vào thực tiễn công việc cho người học. Kết quả thực tập được thể hiện trong nhật ký thực tập có mô tả nội dung các công việc học viên đã thực hiện và xác nhận của cơ sở nơi học viên thực tập và báo cáo thực tập thể hiện kết quả thu được từ hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật trong quá trình thực tập. Việc thực tập phải được kết thúc trước khi học viên được công nhận tốt nghiệp.

(5)Tốt nghiệp: Để tốt nghiệp, học viên thực hiện Đề án thạc sĩ Luật với dung lượng 06 tín chỉ với thời gian 04 tháng kể từ thời điểm Nhà trường có quyết định giao giảng viên hướng dẫn và đề tài đề án. Đề án thạc sĩ Luật là một báo cáo khoa học thuyết minh quá trình phân tích và đánh giá một (một số) vấn đề pháp lý mang tính thực tiễn xuất phát từ quá trình áp dụng pháp luật, thể hiện kỹ năng nghiên cứu độc lập, kiến thức pháp lý chuyên sâu và am hiểu thực tiễn, có tư duy phản biện, và đáp ứng các yêu cầu của Bộ GDĐT và của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ cao học ngành Luật kinh tế định hướng ứng dụng của Trường Đại học Luật TP.HCM nhằm đào tạo và cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ luật kinh tế, có phẩm chất tốt, có kiến thức pháp luật kinh tế nâng cao và chuyên sâu; có kỹ năng áp dụng pháp luật, phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn, có trình độ ngoại ngữ và kỹ năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

➤ Kiến thức

PO1: Có kiến thức pháp luật kinh tế nâng cao về một số lĩnh vực cụ thể của pháp luật kinh tế

PO2: Đạt trình độ ngoại ngữ để giao tiếp và để phục vụ công việc

➤ Kỹ năng

PO3: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết được các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn

PO4: Có kỹ năng tự cập nhật, tự hoàn thiện kiến thức pháp luật kinh tế, thích ứng những thay đổi trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

➤ Thái độ, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

PO5: Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật, mong muốn phục vụ cộng đồng và tinh thần thượng tôn pháp luật.

PO6: Có khả năng làm việc độc lập, tự chịu trách nhiệm

IV. CHUẨN ĐẦU RA MÀ NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

➤ **Kiến thức:**

PLO1: Có kiến thức nâng cao về triết học, các nguyên tắc và định hướng xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

PLO2: Đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO3: Có kiến thức và phương pháp để tự cập nhật các văn bản pháp luật mới.

PLO4: Nhận diện được các bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật

PLO5: Có kiến thức nâng cao về pháp luật kinh tế

PLO6: Có kiến thức pháp luật chuyên sâu về một số lĩnh vực như cạnh tranh, sáp nhập và mua lại doanh nghiệp, điều kiện kinh doanh, trọng tài thương mại, hợp đồng xây dựng, quảng cáo thương mại, tài chính doanh nghiệp, chứng khoán, kế toán kiểm toán, ngoại hối, quản lý giá, đầu tư công và đầu thầu, tài chính doanh nghiệp, xác lập quyền sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, giao dịch bảo đảm...

➤ **Kỹ năng:**

PLO7: Kỹ năng soát xét, đánh giá, phân biện các dự thảo hợp đồng, hồ sơ pháp lý dự án đầu tư, kinh doanh.

PLO8: Kỹ năng giải thích, tuyên truyền, phổ biến pháp luật kinh tế

PLO9: Kỹ năng xác định và đưa ra giải pháp pháp lý để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

PLO10: Kỹ năng tư vấn pháp luật chuyên sâu trong các hoạt động sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, ngoại hối, thương mại điện tử, chứng khoán, kế toán kiểm toán...

PLO11: Kỹ năng xây dựng và quản lý công tác pháp chế ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

➤ **Về thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

PLO12: Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành đúng nội quy, kỷ luật lao động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

PLO13: Có năng lực tự lập kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức quản lý, điều hành, giám sát nhiệm vụ đó.

PLO14: Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật

PLO15: Giữ gìn nhân cách phẩm chất cá nhân, tôn trọng sự khác biệt và phụng sự cộng đồng

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Chuyên viên làm việc trong các cơ quan bảo vệ pháp luật và quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương: các Sở, Ban, Ngành, Vụ, Viện...;
2. Chuyên viên phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, nghề nghiệp...;
3. Luật sư, luật gia, tư vấn viên pháp lý, trọng tài viên, công chứng viên, quản tài viên, thừa phát lại...;
4. Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo bậc cao khối ngành

VI. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế theo bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

a) Danh mục ngành phù hợp của chương trình đào tạo

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành phù hợp
1	Luật kinh tế (MS.8380107)	- Luật (MS7380101) - Luật hiến pháp và luật hành chính (MS7380102) - Luật dân sự và tố tụng dân sự (MS7380103) - Luật hình sự và tố tụng hình sự (MS7380104) - Luật kinh tế (MS7380107) - Luật quốc tế (MS7380108) - Luật thương mại quốc tế (MS7380109)

b) Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực sáu bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Preliminary/Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance	TCF: 300-399	TCF: 400-499

		française diplomas	Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
Ghi chú: theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo				

2. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh có thể là xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Việc xác định phương thức tuyển sinh cụ thể do Hội đồng Trường quyết định. Việc công bố phương thức tuyển sinh hàng năm được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

VII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

(1) Khái quát chương trình:

- **Phần kiến thức chung:** 06 tín chỉ (trong đó có 04 tín chỉ học phần triết học; 02 tín chỉ phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý).
- **Phần kiến thức cơ sở:** 22 tín chỉ, bao gồm: Các học phần bắt buộc: 10 tín chỉ bao gồm lý thuyết và thực hành; Các học phần tự chọn: 12 tín chỉ: gồm lý thuyết và thực hành.
- **Phần kiến thức cốt lõi ngành:** 20 tín chỉ, bao gồm: Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 8 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 12 tín chỉ
- **Thực tập:** 06 tín chỉ
- **Đồ án tốt nghiệp:** 06 tín chỉ.
- ❖ Tổng khối lượng: 60 tín chỉ.

(2) Chương trình chi tiết

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
I	Khối kiến thức chung (6 tín chỉ)		6	

1	LHTL504	Triết học – Logic	4	
2	LHPP502	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
II	Khối kiến thức cơ sở (22 tín chỉ)			
	Các học phần bắt buộc (10 tín chỉ)			
1	KTKD506	Pháp luật về tổ chức kinh doanh	2	
2	KTTM507	Pháp luật về thương mại trong điều kiện hội nhập	2	
3	KTNVT508	Pháp luật về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp	2	
4	KTMT509	Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh	2	
5	KTSD513	Pháp luật về quyền sử dụng đất của chủ thể kinh doanh	2	
	Các học phần tự chọn (chọn 12/14 tín chỉ)			
1	KTKD510	Kinh doanh có điều kiện	2	
2	KTCT511	Chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong kinh doanh	2	
3	KTGQ512	Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại	2	
4	KTKDBH527	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	
5	KTHD519	Hợp đồng trong kinh doanh	2	
6	KTCK520	Chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán.	2	
7	KTTC521	Nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.	2	
III	Khối kiến thức cốt lõi ngành (20 tín chỉ)			
	Các học phần bắt buộc (8 tín chỉ)			
1	KTDTC514	Pháp luật về đầu tư công và đấu thầu	2	
2	KTCHC515	Pháp luật về chống hạn chế cạnh tranh	2	
3	KTBD516	Thị trường bất động sản và những vấn đề pháp lý về kinh doanh bất động sản	2	
4	KTNH517	Pháp luật về dịch vụ ngân hàng	2	
	Các học phần tự chọn (chọn 12/16 tín chỉ)			
1	KTQC521	Quảng cáo thương mại và dịch vụ kinh doanh quảng cáo	2	
2	KTMSA528	Sáp nhập, mua lại doanh nghiệp	2	
3	KTTDC521	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	2	
4	KTBS522	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu	2	
5	KTDTG524	Hợp đồng trong hoạt động xây dựng	2	
6	KTQLNH525	Quản lý hoạt động ngoại hối trong kinh doanh	2	
7	KTDKDD526	Đăng ký bất động sản và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	2	

8	KTTV527	Bảo đảm tiền vay trong hoạt động tín dụng, ngân hàng	2	
V	Thực tập và đề án tốt nghiệp (12 tín chỉ)			
1	Thực tập		6	
2	Đề án tốt nghiệp		6	

HIỆU TRƯỞNG



Ts. Lê Trường Sơn